TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2023/HNGĐ-PT
Ngày: 18 - 8 - 2023
V/v tranh chấp: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Hà Phan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Như Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 182/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 668/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh L, sinh năm 1984, (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Trần Phước N, sinh năm 1995, (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thu T - Đoàn Luật sư tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Hồ Thanh L1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền của bị đơn: Chị Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: số A H, phường E, thành phố M, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1950, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Hồ Thanh T1, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – Anh Hồ Thanh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo án sơ thẩm;**

1. Nguyên đơn - chị Nguyễn Huỳnh L trình bày:

Chị và anh Hồ Thanh L1 trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định số 201/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, về phần tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 gắn liền thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 tại địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/02/2010). Nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.

Khi giải quyết ly hôn vào năm 2018, anh Hồ Thanh L1 tự định giá trị thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất là 200.000.000 đồng. Tài sản chung nêu trên được chia đôi, anh Hồ Thanh L1 yêu cầu được nhận 100.000.000 đồng tiền mặt, còn chị L nhận nhà và đất.

Chị L đã thanh toán đủ số tiền 100.000.000 đồng cho anh L1 theo như thỏa thuận, số lần tiền thanh toán đều có lập biên nhận và ghi rõ lý do nhận tiền cụ thể như sau: Ngày 07/12/2019 anh L1 nhận 30.000.000 đồng; Ngày 31/12/2019 anh L1 nhận 30.000.000đồng; Ngày 29/12/2020 anh L1 nhận 20.000.000 đồng. Đối với phần tiền 20.000.000 đồng còn lại, do anh L1 đã mượn của chị trước đó nên khoản tiền này đã được các bên thống nhất là trừ vào số tiền mà chị phải thanh toán cho anh L1 (việc thỏa thuận này thì các bên thỏa thuận trực tiếp).

Sau khi chị L thanh toán đủ số tiền 100.000.000 đồng cho anh L1 theo đúng như thỏa thuận, chị L có yêu cầu anh L1 tiến hành thủ tục chuyển nhượng lại cho chị 1 diện tích đất của thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 2208 cho chị nhưng anh L1 lại không thực hiện và kéo dài cho đến nay.

Về phần con chung: Từ khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn vào tháng 4/2018, cháu Hồ Tấn L2 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 không chăm sóc và không cấp dưỡng nuôi con. Do cuộc sống khó khăn nên chị L có cho thuê nhà, anh L1 không giữ đúng thoả thuận làm ảnh hưởng đến những người thuê nhà. Ngày 15/10/2022 chị không còn nguồn thu nhập từ việc cho thuê nhà để trang trải cuộc sống và chăm sóc cho cháu Hồ Tấn L2.

Nay, chị L khởi kiện anh Hồ Thanh L1 yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh Hồ Thanh L1 đối với nhà, đất nêu trên; yêu cầu công nhận toàn bộ nhà và đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của riêng chị L ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Hồ Thanh L1, chị L không đồng ý.

2. Bị đơn là anh Hồ Thanh L1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Huỳnh L chung sống với nhau vào năm 2008, đã thuận tình ly hôn vào năm 2018 theo Quyết định số 201/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình chung sống, anh và chị L có tạo dựng được 213,4m^2 đất thuộc thửa 2208, bản đồ số 02, tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trên thửa đất này vợ chồng có xây dựng một căn nhà cấp 4. Nguồn gốc tiền mua đất và cất nhà có vay của chị Hồ Thanh T1 là chị ruột của anh nhưng chị T1 không có tranh chấp trong vụ kiện này.

Năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh và chị L đã sống ly thân với nhau, anh không ở trên căn nhà nói trên, chị L đã lấy căn nhà này cho người khác thuê ở từ năm 2012 đến nay.

Năm 2018, anh và chị L ly hôn, về phần tài sản chung hai vợ chồng thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn xong, anh và chị L không thỏa thuận được cho nên hai bên không làm văn bản phân chia tài sản.

Căn nhà và đất nêu trên vẫn còn là tài sản chung của anh và chị L chưa được phân chia. Nay chị L căn cứ vào bản tự khai ngày 01/02/2018 để cho rằng anh và chị L đã thỏa thuận phân chia tài sản là nhà và đất có giá trị 200.000.000 đồng, anh nhận 100.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bởi tại thời điểm năm 2018, lúc này anh và chị L ly hôn thì anh chỉ ước tính như vậy để Tòa án làm căn cứ cho tạm nộp dự phí chia tài sản chung, còn khi Tòa án giải quyết tranh chấp, sẽ tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản rồi mới phân chia. Thấy vậy, chị L và anh thống nhất không yêu cầu Tòa chia tài sản chung mà để anh và chị L về nhà thỏa thuận phân chia. Do không có sự thỏa thuận phân chia nên không có làm

văn bản. Nếu chị L nói có thỏa thuận thì phải cung cấp văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau khi có quyết định ly hôn.

Đối với số tiền anh đã nhận 80.000.000 đồng (03 lần) vào các ngày 07/12/2019, ngày 31/12/2019 và ngày 29/12/2020 là tiền chị L cho người khác thuê nhà từ năm 2012 đến năm 2020, chị L hoàn lại cho anh một phần tiền thuê nhà là 80.000.000 đồng tính từ năm 2012 đến năm 2020, mỗi lần nhận tiền chị L yêu cầu anh ký tên không ghi nội dung do trước đó anh và chị L đã thỏa thuận đây là tiền sinh lợi từ căn nhà và quyền sử dụng đất anh để lại cho chị L trực tiếp quản lý, sử dụng nên chị L trích cho anh 01 phần. Do vậy số tiền 80.000.000 đồng theo như đơn khởi kiện chị L trình bày không phải là tiền phân chia tài sản chung mà là lợi nhuận từ việc cho thuê nhà, chị L hoàn lại cho anh một phần để anh không tranh chấp tiền thuê nhà.

Nay anh có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà + đất nói trên. Nếu chị L nhận nhà và đất thì hoàn lại cho anh 1 giá trị tài sản hoặc ngược lại anh nhận nhà, đất thì sẽ hoàn ½ giá trị tài sản cho chị L theo biên bản định giá của Hội đồng định giá.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

-Ý kiến của chị Hồ Thanh T1:

Chị là chị ruột của anh Hồ Thanh L1. Vào năm 2010, vợ chồng L1 và L có nhu cầu mua đất để cất nhà nhưng không đủ tiền, giá trị thửa đất vào thời điểm đó là 90.000.000 đồng. Chị T1 và chồng chị đứng ra vay ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng cho vợ chồng L1, L mượn để mua thửa đất số 2208, bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đó vợ chồng chị là người đóng tiền gốc và lãi ngân hàng. Nay vợ chồng L1, L đã ly hôn và chia tài sản nên chị yêu cầu hoàn trả cho chị số tiền gốc chị đã bỏ ra cho vợ chồng L1 mượn mua đất là 50.000.000 đồng. Còn các nội dung khác chị thống nhất theo yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì vợ chồng L, L1 sau khi ly hôn không có ai ở lại căn nhà này mà chị L cho người khác thuê từ năm 2012 đến nay, thu tiền thuê nhà nên chị L trả tiền sinh lợi từ việc cho thuê căn nhà mỗi năm 10.000.000 đồng cho em trai chị là Hồ Thanh L1.

-Ý kiến của ông Nguyễn Văn N1:

Ông là cha của chị Nguyễn Huỳnh L. Năm 2012, vợ chồng chị L anh L1 cần tiền để xây nhà trên thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do đó có hỏi mượn của ông số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và ông đồng ý cho mượn. Sau khi nhà được xây xong thì vợ chồng L1 - L phát sinh mâu thuẫn và ly hôn vào năm 2018. Theo đó hai bên có thỏa thuận về việc tự chia tài sản cụ thể sẽ căn cứ đơn khởi kiện trước

đây của anh L1 để xác định như sau: Tổng giá trị thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m² và 01 căn nhà cấp 04 nằm trên đất là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Tài sản chung nêu trên được chia đôi, anh Hồ Thanh L1 yêu cầu được nhận 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền mặt. Sau đó thì chị L đã thanh toán đủ số tiền 100.000.000 đồng cho anh L1, có lập giấy nhận tiền cụ thể như sau: Ngày 07/12/2019 anh L1 nhận 30.000.000đồng; Ngày 31/12/2019 anh L1 nhận 30.000.000 đồng; Ngày 29/12/2020 anh L1 nhận 20.000.000 đồng; 20.000.000 đồng còn lại anh L1 đồng ý để chị L cấn trừ số tiền này vào phần tiền vay 40.000.000 đồng của ông trước đây (chị L và anh L1 thỏa thuận chia đôi mỗi người 20.000.000 đồng). Chị L đã trả đủ cho ông 40.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, ông không có ý kiến, không có tranh chấp về số tiền đã cho vay. Đối với yêu cầu phản tố của anh L1 thì ông không đồng ý bởi vì chị L đã trả đủ số tiền 100.000.000 đồng cho anh L1 để nhận tài sản là nhà và đất.

4. Người làm chứng:

- *Bà Lê Thị Minh C trình bày:* Ngày 24/4/2018 (AL) bà C là người thuê nhà đầu tiên của chị Nguyễn Huỳnh L tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Ngày 24/4/2018 AL bà thuê với giá 1.500.000 đồng. Tháng 12/2018 giá thuê là 1.700.000 đồng, đầu tháng 1/2019 đến tháng 12/2019 giá thuê tăng là 2.500.000 đồng. Tháng 01/2020 giá thuê tăng là 2.700.000 đồng. Tháng 12/2020 chị L tăng lên là 3.000.000 đồng, do số tiền thuê quá cao, bà không có khả năng thuê nên chị L buộc bà phải dọn đi và trả nhà vào tháng 02/2021.

- *Anh Nguyễn Hoài C1 trình bày:* Hiện anh C1 đang thuê nhà của chị Nguyễn Huỳnh L nhưng chưa làm hợp đồng thuê nhà do mới vào ở một tuần. Tại bản tự khai ngày 22/9/2022 anh Nguyễn Hoài C1 trình bày: chị L là chủ nhà ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh là bạn bè với chị L, biết được anh chưa có chỗ ở nên mời về ở chung nhà vì chỉ có 02 mẹ con sinh sống nên còn dư phòng và cùng chia tiền điện nước, chi phí rác thải với nhau.

- *Chị Phan Thị Ý N2 trình bày:* Chị và chồng chị là anh Nguyễn Hoài C1 thuê nhà của chị L tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá thuê là 2.000.000 đồng, bắt đầu thuê từ tháng 5 năm 2022 nhưng không có làm hợp đồng thuê nhà và chưa đăng ký tạm trú.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 182/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 07/2022/QĐ-SCBSBA ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Hồ Thanh L1.

3. Giao cho chị Nguyễn Huỳnh L được trọn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà diện tích 112,72m^2 (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu) cất trên phần đất diện tích 213,4m^2 thuộc thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00090 ngày 26/02/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Nguyễn Huỳnh L và anh Hồ Thanh L1.

Chị Nguyễn Huỳnh L được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4. Buộc chị Nguyễn Huỳnh L có trách nhiệm hoàn giá trị nhà và đất lại cho anh Hồ Thanh L1 số tiền là 380.680.413 đồng

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 28-4-2023, anh Hồ Thanh L1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia đôi tài sản chung là căn nhà cấp 4 và thửa đất số 2208, tờ bản đồ 02, diện tích 213,4m^2 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho anh L1 và chị L. Anh L1 yêu cầu được nhận nhà, đất và hoàn lại cho chị L ½ giá trị nhà, đất là 658.114.876 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Huỳnh Hoàng P đại diện ủy quyền của anh Hồ Thanh L1 thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Anh Hồ Thanh L1 đồng ý để chị Nguyễn Huỳnh L được sở hữu, sử dụng thửa đất số 2208, tờ bản đồ 02, diện tích 213,4m^2 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tại địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu chị L phải hoàn ½ giá trị nhà, đất nêu trên cho anh L1 theo biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 là 658.114.876 đồng. Anh L1 tự nguyện trừ đi số tiền 80.000.000 đồng đã nhận từ chị L, nên số tiền chị L còn phải hoàn lại anh L1 là 578.114.876 đồng. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Phước N3 đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Huỳnh L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1. Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Huỳnh L vắng mặt tại phiên tòa có gửi bài luận cứ cho rằng trước khi ly hôn, anh L1 và chị L có thỏa thuận việc chia tài sản chung. Theo đó nhà đất này anh L1 để lại cho chị L

và nhận lại giá trị bằng tiền là 100 triệu đồng, giá các bên thỏa thuận tại bút lục số 7 trong hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2018, sau khi giao đủ giá trị tài sản theo yêu cầu của anh L1 thì các bên sẽ thực hiện việc công chứng thỏa thuận, những lần giao nhận tiền đều có viết biên nhận, tổng số tiền chị L giao cho anh L1 là 80 triệu đồng, phần còn lại 20 triệu đồng các bên thỏa thuận bù trừ cho số tiền anh L1 còn nợ chị L. Mặc dù chưa thực hiện việc công chứng nhưng chị L đã thực hiện hơn 2/3 nghĩa vụ, về mặt ý nghĩa thì các bên đã mặc nhiên thừa nhận các quyền về tài sản riêng của chị L, nên mới có việc chị L được toàn quyền quản lý, sử dụng nhà đất từ năm 2012 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét công sức đóng góp của chị L khi chia tài sản chung là phù hợp. Hơn nữa, tài sản này là nơi ở duy nhất của chị L và cháu L2, nên để đảm bảo duy trì, ổn định cuộc sống của họ, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chia cho chị Nguyễn Huỳnh L được quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất thuộc thửa 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; buộc chị L phải hoàn trả cho anh L1 ½ giá trị tài sản sau khi trừ đi 80.000.000 đồng anh L1 đã nhận thì số tiền còn phải hoàn trả là 578.114.876 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Hồ Thanh L1 làm trong thời hạn quy định nên được Tòa án xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Văn N1, Luật sư Nguyễn Thị Thu T có đơn xin vắng mặt; chị Hồ Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về việc thay đổi nội dung kháng cáo, xét thấy:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của anh L1 là chị Huỳnh Hoàng P thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Anh Hồ Thanh L1 yêu cầu chia đôi tài sản chung là thửa đất số 2208, tờ bản đồ số 02, diện tích 213,4m^2 và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất tại địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh L1 xin nhận bằng giá trị và yêu cầu chị L phải hoàn trả ½ giá trị nhà, đất cho anh L1 theo biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 là 658.114.876 đồng, trừ đi 80.000.000 đồng anh L1 đã nhận thì chị L còn phải hoàn trả cho anh L1 số tiền 578.114.876 đồng.

Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1 không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1 về việc chia đôi tài sản chung và xin nhận bằng giá trị, hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Hồ Thanh L1 và chị Nguyễn Huỳnh L trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 201/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018. Theo quyết định này về tài sản chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị L và đại diện theo ủy quyền của anh L1 thống nhất trình bày thửa đất số 2208, tờ bản đồ 02, diện tích 213,4m^2 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung chưa chia của anh L1 và chị L; thống nhất giá trị tài sản chung theo biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 là 1.316.229.752 đồng (Một tỷ, ba trăm mười sáu triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm năm mươi hai đồng).

Chị L yêu cầu được nhận nhà, đất và đồng ý hoàn giá trị nhà đất cho anh L1 theo quyết định của bản án sơ thẩm là 380.680.413 đồng.

Anh L1 yêu cầu được chia 50% giá trị nhà, đất là 658.114.876 đồng, anh L1 tự nguyện trừ đi 80.000.000 đã nhận từ chị L nên số tiền chị L phải hoàn lại cho anh L1 là 578.114.876 đồng.

Xét yêu cầu của anh L1 là có căn cứ phù hợp pháp luật, bởi lẽ:

- Anh L1 và chị L đều thừa nhận nhà đất tranh chấp do cả hai tạo lập bằng nguồn tiền chung. Do đó, chị L và anh L1 đều có công sức ngang nhau trong việc tạo lập tài sản chung.

-Từ năm 2012 đến nay nhà đất được anh L1 giao cho chị L quản lý, sử dụng, chị L không sử dụng mà cho người khác thuê, lợi nhuận từ việc cho thuê nhà chị L hưởng không chia cho anh L1. Như vậy không có cơ sở xác định chị L có công sức duy trì, phát triển vào khối tài sản chung.

-Theo Quyết định số 201/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C ghi nhận cháu Hồ Tấn L2 được giao cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng nhưng thực tế thì cháu L2 sống với chị L. Do đó, để bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ khi ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao nhà, đất cho chị L được quyền sở hữu, sử dụng là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét công sức đóng góp của chị L và chia cho chị L 30% giá trị tài sản là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh L1. Do vậy, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị L không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Anh L1 và chị L phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được chia.

Do yêu cầu kháng cáo của anh L1 được chấp nhận nên anh L1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b Khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Thanh L1.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 182/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1.1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh L.

1.2.Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Hồ Thanh L1.

- Giao cho chị Nguyễn Huỳnh L được trọn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà diện tích 112,72 m^2 (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu) gắn liền với phần đất diện tích 213,4m^2 thuộc thửa đất số 2208, tờ bản đồ 02 tại địa chỉ: ấp

L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00090 ngày 26/02/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Nguyễn Huỳnh L và anh Hồ Thanh L1.

- Chị Nguyễn Huỳnh L được quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất được chia theo quy định.

- Buộc chị Nguyễn Huỳnh L phải hoàn trả 50% giá trị nhà, đất cho anh Hồ Thanh L1 là 658.114.876 đồng, trừ đi 80.000.000 đồng anh L1 đã nhận thì chị L còn phải hoàn trả cho anh L1 số tiền 578.114.876 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu, một trăm mười bốn ngàn, tám trăm bảy mươi sáu đồng)

- Kể từ ngày anh Hồ Thanh L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Huỳnh Long c thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng chị L còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Buộc anh Hồ Thanh L1 hoàn lại cho chị Nguyễn Huỳnh L số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng).

2/-Về án phí:

- Chị Nguyễn Huỳnh L phải chịu án phí chia tài sản là 30.324.600 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai số 0004308 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền 25.324.600 đồng (Hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng).

- Anh Hồ Thanh L1 phải chịu án phí chia tài sản là 27.124.600 đồng. Anh L1 đã nộp tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai số 0003725 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền 19.624.600 đồng (Mười chín triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng).

- Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho anh Hồ Thanh L1 theo biên lai số 0021704 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy.